**Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  **MS03**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ, SỬ DỤNG   
TÀI KHOẢN THANH TOÁN VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG –** *Dành cho**Tổ chức*

*Số hợp đồng …………… ngày* *….. tháng ……. năm .…*

**A- PHẦN ĐỀ NGHỊ**

***Đề nghị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh*** *…………………….…*

mở tài khoản thanh toán (TKTT) cho chúng tôi với thông tin sau:

*( Khách hàng vui lòng gạch chéo các phần để trống thông tin, không gạch đè lên thông tin in sẵn)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – CHỦ TÀI KHOẢN** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên tổ chức mở TK (Tiếng Việt) *........................................................................................ ..................................................................... ...................................................................... .....................................................................*  Tên tổ chức mở TK (Tiếng Anh)*................................................................................................................................................... ..................................................................... .....................................................................*  Tên viết tắt ………………………………………………………………………………………………………………….……………………….. Cư trú  🗌 Không 🗌 Có  Số ĐKKD/Đầu tư/Hoạt động/Thành lập..........................................................................................  Ngày cấp Nơi cấp Nước cấp  Địa chỉ đặt trụ sở chính  Địa chỉ liên lạc  Mã số thuế\* Doanh thu thuần ………………………………………….…Vốn điều lệ  Lĩnh vực hoạt động/kinh doanh Tổng số lao động  Điện thoại Số Fax  **Người đại diện hợp pháp** 🗌 Nam  🗌 Nữ  Ngày sinh Quốc tịch Cư trú🗌 Không 🗌 Có  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn*:*  Thị thực nhập cảnh Ngày cấp Ngày hết hạn  Chức vụ Email Điện thoại  Địa chỉ cư trú hiện tại  Địa chỉ thường trú  Địa chỉ nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khách hàng có phải là người nhận ủy thác của ủy thác nước ngoài không? | | 🗌 Có  Vui lòng điền mẫu theo quy định hiện hành về nhận biết KH của VietinBank | | | | | | | | | | | | | 🗌 Không | |
| Tên tổ chức, cá nhân ủy thác: | | | | | | | | | | | | |
| Khách hàng có chủ sở hữu hưởng lợi khác không? | | 🗌 Có  Vui lòng điền mẫu theo quy định hiện hành về nhận biết KH của VietinBank | | | | | | | | | | | | | 🗌 Không | |
| Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi khác: | | | | | | | | | | | | |
| **Thông tin FATCA** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Tổ chức có QĐTL/GPĐKKD/GPĐT tại Mỹ/Nhà đầu tư/Cổ đông là người Mỹ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 10% giá trị công ty không? *(Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng)* | | | | | | | | | 🗌 Có  MS thuế Mỹ | | | | | | | 🗌 Không |
| 2. Tổ chức có được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ theo quy định của FATCA không? (*Nếu có, vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc Mẫu W-8BEN-E nếu tổ chức không có mã số GIIN*) | | | | | | | | | 🗌 Có  Mã số GIIN | | | | | | | 🗌 Không |
| 3. Tổ chức có nhà đầu tư/cổ đông là người Mỹ không? (*Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-8BEN-E*) | | | | | | | | | 🗌 Có | | | | | | | 🗌 Không |
| 1. **THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Thông tin tài khoản** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Loại tài khoản | | | 🗌 TKTT | | 🗌 TK vốn chuyên dùng | | | | | | 🗌 TKTT chuyên dùng khác | | | | | |
| Loại tiền | | | 🗌 VND | | | | | 🗌 USD | | | | | 🗌 Khác | | | |
| Tên TK | | |  | | | | | | | | | | | | | |
| Mục đích mở TKTT | | | 🗌Chi lương | | | | | | | 🗌 Ký quỹ | | | | | | |
| 🗌Thanh toán hàng hóa, dịch vụ | | | | | | | 🗌 Đầu tư/Nhận vốn đầu tư | | | | | | |
| 🗌 Gửi tiền gửi có kỳ hạn | | | | | | | 🗌Vay nước ngoài/Cho vay ra nước ngoài/Bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh người không cư trú | | | | | | |
| 🗌Khác (ghi rõ) | | | | | | |
| Phương thức nhận sao kê tài khoản và các thông tin cần thiết khác. | | | 🗌 Tại Vietinbank nơi quản lý TK  🗌 Thư điện tử:  🗌 Địa chỉ cư trú của Khách hàng. | | | | | | | | | | | | | |
| **2. Mẫu dấu, mẫu chữ ký giao dịch** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền; kế toán trưởng, người được ủy quyền kế toán trưởng (nếu có) và mẫu dấu (nếu có) của tổ chức đăng ký dưới đây được sử dụng để thực hiện mọi giao dịch với VietinBank trong phạm vi đại diện/ủy quyền, trừ trường hợp có thoả thuận khác* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.1. Người đại diện theo pháp luật và/hoặc người đại diện theo ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Họ tên**  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | | |
| **Họ tên**  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | | |
| **2.2. Kế toán trưởng và người được ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Kế toán trưởng**: 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Quốc tịch Thị thực nhập cảnh Cư trú 🗌 Có 🗌 Không  Địa chỉ Thư điện tử Điện thoại  Quyết định bổ nhiệm số Ngày: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* ”) | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | | |
| **Người được ủy quyền**  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ  Văn bản ủy quyền số Ngày lập Ngày hết hạn (nếu có)……............... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | | |
| **2.3. Mẫu dấu** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Chúng tôi đăng ký mẫu dấu mới/thay đổi mẫu dấu đã đăng ký *(KH vui lòng đóng mẫu dấu)*  🗌 Chúng tôi sử dụng mẫu dấu của chúng tôi đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Mẫu dấu”)* | | | | Mẫu dấu thứ nhất | | | | | | | | Mẫu dấu thứ hai | | | | |
| **3. Yêu cầu khác**  ..............................................................................................................................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Giấy tờ gửi kèm** | | | | | | | | | | | | Ngày | | Bản gốc/bản sao | | |
| Quyết định thành lập DN/Giấy phép ĐKKD/đầu tư số | | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| VB xác nhận người đại diện hợp pháp số | | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| QĐ bổ nhiệm KTT/phụ trách kế toán (nếu có) số | | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| Các giấy tờ liên quan khác (nếu có) | | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| **III. THÔNG TIN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG \*\*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **TKTT theo yêu cầu: (KH điền loại tài khoản số đẹp yêu cầu)**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 🗌 Số lộc phát | 🗌 Số thần tài | 🗌 Số giống nhau | 🗌 Số lặp | | 🗌 Số tiến | 🗌 Số soi gương | 🗌 Số tam hoa kép | 🗌 Khác: ………………….. |  1. **Gói TKTT:**  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 🗌 **Gói VietinBank- Ngân hàng giao dịch của tôi** | | | | **🗌 Gói V-Capital Account** | | | | | 🗌 Tài khoản số đẹp  🗌 Dịch vụ ngân hàng điện tử eFast | | 🗌 Chi lương trên eFAST  🗌 Dịch vụ kết nối ERP | | 🗌 Tài khoản số đẹp   Phí duy trì tài khoản  🗌 Dịch vụ ngân hàng điện tử eFast  🗌 Dịch vụ kết nối ERP | | 🗌 Chuyển tiền VNĐ/ngoại tệ đi trong nước tại quầy   Chuyển tiền ngoại tệ đến   Chi lương   Xác nhận số dư tài khoản khách hàng | | | **🗌 Gói V-SME (Lựa chọn 1 trong 5 gói chi tiết phía dưới)** | | | | | | | | | 🗌 Gói V-250 | 🗌 Gói V-400 | | 🗌 Gói V-900 | | 🗌 Gói V-2500 | | 🗌 Gói V-11K | | ☑ Phí quản lý tài khoản  ☑ Phí duy trì số dư tối thiểu  🗌 Dịch vụ ngân hàng điện tử eFast | 🗌 Tài khoản số đẹp  ☑ Phí quản lý tài khoản  ☑ Phí duy trì số dư tối thiểu  🗌 Dịch vụ VietinBank eFast  🗌 Dịch vụ kết nối ERP   Chi lương  🗌 Chuyển tiền VNĐ tại quầy | | 🗌 Tài khoản số đẹp  ☑ Phí quản lý tài khoản  ☑ Phí duy trì số dư tối thiểu  🗌 Dịch vụ ngân hàng điện tử eFast  🗌 Dịch vụ kết nối ERP   Chi lương  🗌 Chuyển tiền VNĐ tại quầy | | 🗌 Tài khoản số đẹp  ☑ Phí quản lý tài khoản  ☑ Phí duy trì số dư tối thiểu  🗌 Dịch vụ ngân hàng điện tử eFast  🗌 Dịch vụ kết nối ERP   Chi lương  🗌 Chuyển tiền VNĐ tại quầy | | 🗌 Tài khoản số đẹp  ☑ Phí quản lý tài khoản  ☑ Phí duy trì số dư tối thiểu  🗌 Dịch vụ ngân hàng điện tử eFast  🗌 Dịch vụ kết nối ERP   Chi lương  🗌 Chuyển tiền VNĐ tại quầy  🗌 Nộp/rút tiền mặt tại quầy |  1. **Thông báo biến động số dư:**  |  |  | | --- | --- | | Kênh nhận BĐSD | 🗌 **SMS** 🗌 **OTT** | | Loại giao dịch nhận thông báo | 🗌 Báo có và nợ số tiền từ 0đ  🗌 Báo có số tiền từ 0đ  🗌 Báo có số tiền từ 50.000đ | | Số TK trích nợ phí dịch vụ | ……………………………………………………………… | | Số điện thoại đăng ký nhận BĐSD | ……………………………………………………………... |  1. **Dịch vụ Ngân hàng điện tử:**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Gói Quản lý tài khoản** | 🗌 Internet Banking | 🗌 Kết nối ERP  Phần mềm kế toán/ERP: ………………  ………………………………………... | | **Thông tin người sử dụng:**   * Họ và tên: …...………………………………………………………………. * Số CMND: ...………………………………………………………………... * Ngày sinh: ...………………………………………………………………… * Chức vụ: ..…………………………………………………………………... * Số ĐT di động: ………………….. Email:………………………………... | | | **Gói Giao dịch tài chính** | 🗌 Internet Banking | 🗌 Kết nối ERP | | *(Quý khách vui lòng bổ sung thông tin đăng ký dịch vụ theo Mẫu Đăng ký thông tin sử dụng dịch vụ Internet Banking/Kết nối ERP dành cho KHDN do ngân hàng cung cấp)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **5. Dịch vụ hóa đơn tổng** | **🗌 Có** | | | | | | **🗌 Không** | | | | | | | | | |
| **6. Sản phẩm dịch vụ khác**  **…………………………………………………………………………………………………………………………………….** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **B – PHẦN HỢP ĐỒNG** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THÔNG TIN CÁC BÊN** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bên cung cấp dịch vụ** | | | | | | **Bên sử dụng dịch vụ - Khách hàng** | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh | | | | | | Tên khách hàng | | | | | | | | | | |
| Người đại diện | | | | | | Người đại diện | | | | | | | | | | |
| Chức vụ | | | | | | Chức vụ | | | | | | | | | | |
| Theo giấy ủy quyền số ………………………….….….…… ngày ……………… của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | | | | | | *(Các thông tin khác có liên quan của khách hàng (nếu có) được thể hiện cụ thể tại Phần A của văn bản này)* | | | | | | | | | | |
| **Khách hàng đề nghị mở TKTT và sử dụng dịch vụ ngân hàng với các thông tin cụ thể đã nêu tại Phần A - Phần đề nghị của văn bản này và Ngân hàng đồng ý cung ứng dịch vụ theo các thoả thuận cụ thể sau** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THỎA THUẬN CỤ THỂ** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **I.Thỏa thuận cụ thể về mở, sử dụng TKTT:**  1. Khi KH mở TKTT và sử dụng dịch vụ tại VietinBank, tuỳ theo dịch vụ đăng ký Quý KH phải tuân thủ các nội dung thoả thuận, quy định theo từng loại hình dịch vụ và chủ động kiểm soát, đối chiếu số dư TKTT của mình với VietinBank tối thiểu 01 lần/năm.  2. KH đồng ý cho VietinBank được tự động trích Nợ từ bất kỳ TKTT nào của KH mở tại VietinBank để thanh toán phí dịch vụ theo biểu phí của VietinBank quy định trong từng thời kỳ được công khai tại các Điểm giao dịch và (hoặc) trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) hoặc theo thoả thuận giữa KH và VietinBank. Trường hợp thay đổi mức phí, VietinBank sẽ thông báo công khai tại các Điểm giao dịch và (hoặc) trên website  www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn). Thời gian tối thiểu từ khi thông báo/cập nhật đến khi áp dụng các thay đổi về phí là 07 ngày.  3. KH đồng ý rằng bằng việc (i) truy cập vào các nền tảng công nghệ điện tử do VietinBank cung cấp bằng chính tên đăng nhập và mật khẩu của KH, (ii) nhập mã OTP (One Time Pasword) do VietinBank gửi đến số điện thoại của KH đã đăng ký với VietinBank khi mở TKTT và/hoặc sử dụng chữ ký điện tử và/hoặc xác thực theo các phương pháp khác do VietinBank thực hiện từng thời kỳ (nếu có) để đăng ký dịch vụ, giao kết các thỏa thuận/hợp đồng với VietinBank khi sử dụng các sản phẩm/dịch vụ trên các nền tảng công nghệ điện tử do VietinBank cung cấp; nội dung đăng ký, thỏa thuận/hợp đồng này thể hiện ý chí chấp thuận của KH về các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng, thỏa thuận dịch vụ đó khi thực hiện các giao dịch với VietinBank  4. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản, KH đồng ý thực hiện theo các khuyến cáo, hướng dẫn, quy định, điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung của VietinBank và quy định của pháp luật  5. VietinBank cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho Khách hàng (KH) biết về số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT theo phương thức cung cấp dịch vụ KH đã đăng ký tại phần A- Phần đề nghị của Giấy đề nghị mở, sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng (Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng) này hoặc khi có yêu cầu cung cấp thông tin của KH theo quy định của Vietinbank và pháp luật.  6. KH chấp thuận việc VietinBank sử dụng thông tin trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này để: (i) Cung cấp thông tin cho Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và (hoặc) Sở Thuế vụ Mỹ theo quy định tại Đạo Luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài của Mỹ (FATCA); (ii) Thực hiện khấu trừ thuế theo quy định của đạo luật FATCA (nếu có); (iii) Nhận các thông tin liên quan đến tài khoản và các thông tin giới thiệu, tư vấn dịch vụ sản phẩm của VietinBank; (iv) Cung cấp cho Công ty con, công ty liên kết của VietinBank nhằm mục đích tư vấn, giới thiệu, cung ứng sản phẩm dịch vụ.  7. KH cam kết sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp KH là người nhận ủy thác của một ủy thác nước ngoài. Trường hợp có sự thay đổi về trạng thái FATCA, KH sẽ thông báo với VietinBank trong vòng 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi.  8. Các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa, tạm khóa và chấm dứt tạm khóa, đóng tài khoản TKTT, xử lý số dư còn lại sau khi đóng TKTT, phạm vi sử dụng, hạn mức giao dịch,các trường hợp tạm dừng, từ chối lệnh thanh toán của KH, quy định về xử lý tra soát, khiếu nại và các nội dung khác: Các Bên đồng ý thực hiện theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng tại VietinBank (Điều kiện giao dịch chung) và quy định của pháp luật. Trường hợp phong toả tài khoản, VietinBank có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản cho KH đến địa chỉ KH đã đăng ký thông tin với VietinBank.  9. VietinBank được quyền đóng TKTT của KH trong trường hợp TKTT của KH có số dư bằng 0 (không) và không có giao dịch liên tục trong thời gian 01 (một) năm và các trường hợp khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận với KH.  **II**. **Thỏa thuận cụ thể về sử dụng dịch vụ Ngân hàng**   1. ***Thỏa thuận về gói TKTT:***   - Đối với Gói “VietinBank- Ngân hàng giao dịch của tôi” hoặc Gói “V- Capital Account”: Công ty cam kết không đóng tài khoản tối thiểu trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký dịch vụ thành công. Công ty đồng ý việc VietinBank dừng ưu đãi các sản phẩm dịch vụ theo chính sách của VietinBank và chấp nhận VietinBank có thể thu hồi số tài khoản đẹp tại thời điểm Công ty không thực hiện đúng cam kết.  - Đối với Gói “V-SME”: Trường hợp thay đổi chính sách, VietinBank có trách nhiệm gửi Thông báo bằng văn bản cho Công ty tối thiểu 30 ngày trước khi có hiệu lực thay đổi. Nếu không đồng ý với các nội dung thay đổi, Công ty có quyền chấm dứt việc sử dụng Gói tài khoản; nếu tiếp tục sử dụng Gói tài khoản được hiểu là Công ty chấp nhận hoàn toàn các nội dung thay đổi đó.   1. ***Thỏa thuận về dịch vụ Ngân hàng điện tử:***   Đối với trường hợp khách hàng đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử, khách hàng xác nhận đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ Quy định về việc sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của NH TMCP Công thương Việt Nam.   1. ***Sản phẩm dịch vụ khác***   …………………………………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………………………………….  **III. Thỏa thuận khác:**  1. Các nội dung khác liên quan đến mở, sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng được quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng tại VietinBank (Điều kiện giao dịch chung). Khách hàng xác nhận đã được VietinBank cung cấp đầy đủ thông tin về Điều kiện giao dịch chung; đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng và Điều kiện giao dịch chung trong quá trình mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng (bao gồm cả trường hợp đăng ký thay đổi/bổ sung các dịch vụ ngân hàng). Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và bản Điều kiện giao dịch chung là một bộ Hợp đồng hoàn chỉnh về mở sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng.  2. Khi sửa đổi/bổ sung/thay thế Điều kiện giao dịch chung, VietinBank có trách nhiệm thông báo công khai trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) tối thiểu 07 ngày trước khi có hiệu lực. Nếu không đồng ý với các nội dung sửa đổi, Khách hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng tài khoản và (hoặc) các dịch vụ đã đăng ký; nếu tiếp tục sử dụng tài khoản và (hoặc) các dịch vụ được hiểu là Khách hàng chấp thuận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.  3. Các quyền, nghĩa vụ của các Bên và những nội dung khác không quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa KH và VietinBank.  4. Khách hàng cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng và tính hợp pháp của các giấy tờ kèm theo.  5. Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này gồm …. trang, được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau./*.* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Đại diện Ngân hàng**  *Ký, họ tên* | | | | | | **Đại diện khách hàng**  *Ký, họ tên, đóng dấu (nếu có)* | | | | | | | | | | |
| **C- DÀNH CHO NGÂN HÀNG** | | | | | |  | | | | | | | | | | |
| Số TK | | | | | | Ngày bắt đầu hoạt động của TK | | | | | | | | | | |
| **Cán bộ nhận hồ sơ Giao dịch viên**  *Ký, họ tên Ký, họ tên* | | | | | | **Kiểm soát viên**  *Ký, họ tên* | | | | | | | | | | |

*Ghi chú:*

\*: Nếu KH đã được cơ quan thuế cung cấp MST, KH bắt buộc kê khai đúng MST của KH theo quy định của Luật quản lý thuế hiện hành[[1]](#footnote-1)

1. Theo luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội. [↑](#footnote-ref-1)